TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI BÌNH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/DS-ST
Ngày 05-3-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Quốc Văn

Ông Trần Văn Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Võ Hồng Quân, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 259/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXX-ST ngày 15 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Quách Thị Út M (tên gọi khác L), sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm A, Phường A, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ngô Đình Chiến là Luật sư – Văn phòng Luật sư ngô Đình Chiến – Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn:*

1.Bà Nguyễn Thị Kiều P, sinh năm 1982 (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn MM, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã H, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 16/8/2024 cũng như tại phiên tòa bà Quách Thị Út M và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Quách Thị Út M cùng thống nhất trình bày:*

Vào ngày 09/4/2021 vợ chồng ông Nguyễn Văn MM và bà Nguyễn Thị Kiều P có vay của bà Quách Thị Út M số tiền 1.500.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng (mỗi tháng thanh toán 45.000.000 đồng), thời gian vay là 30 ngày. Khi vay vợ chồng ông MM, bà P có làm biên nhận cho bà M. Thời gian vay vợ chồng ông MM, bà P có thanh toán lãi được 04 kỳ với tổng số tiền 155.000.000 đồng.

Do hoàn cảnh khó khăn, vợ chồng ông MM, bà P không có khả năng thanh toán nên vào ngày 26/01/2022 (nhằm ngày 24/01/2021 âm lịch) có thỏa thuận và thống nhất chuyển nhượng cho bà M phần đất diện tích 250m2 thuộc phần đất tổng diện tích 2.902,2m2, đất tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau với giá 1.700.000.000 đồng để trừ vào số nợ của bà M. Tuy nhiên thời gian qua vợ chồng ông MM, bà P không làm thủ tục chuyển tên QSD đất mà cũng không trả lại tiền nợ cho bà M.

Nay bà M yêu cầu vợ chồng ông MM, bà P hoàn trả số tiền vốn đã vay là 1.500.000.000 đồng và lãi suất 20%/năm tính từ ngày 09/4/2021 đến ngày 09/02/2025 là 03 năm 10 tháng với số tiền 1.150.000.000 đồng. Bà M thống nhất đối trừ số tiền lãi đã nhận là 155.000.000 đồng. Tổng số tiền bà Myêu cầu vợ chồng ông MM, bà P thanh toán là 2.495.000.000 đồng.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập có tại hồ sơ vụ án cũng như quá trình thẩm tra tại phiên tòa có căn cứ cho rằng yêu cầu của bà M là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M. Buộc bà P và ông MM hoàn trả cho bà M tổng số tiền nợ là 2.495.000.000 đồng (trong đó vốn là 1.500.000.000 đồng). Án phí sơ thẩm giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Quách Thị Út M khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn MM và bà Nguyễn Thị Kiều P có nghĩa vụ thanh toán nợ vay nên đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản; Ông MM và bà P có địa chỉ cư trú tại ấp T, xã H, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông MM, bà P nhưng ông bà không có văn bản ý kiến và vắng mặt tại lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông MM, bà P theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa bà M cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M yêu cầu vợ chồng ông MM, bà P phải hoàn trả cho bà M tổng số tiền vốn và lãi là 2.495.000.000 đồng theo biên nhận ngày 09/4/2021.

[4] Xét thấy quá trình giải quyết vụ án ông MM, bà Pkhông có văn bản ý kiến về yêu cầu của bà M nhưng tại biên bản ngày 13/3/2023 và ngày 20/5/2023 do Công an tỉnh Cà Mau cung cấp thì ông MM thừa nhận vợ chồng ông MM có vay của bà M số tiền vốn 1.500.000.000 đồng vào ngày 09/4/2021. Vì vậy có cơ sở cho rằng hợp đồng vay tài sản giữa vợ chồng ông MM, bà P với bà Mười là thực tế có xảy ra và phù hợp với trình bày, yêu cầu của bà M cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M tại phiên tòa.

Tại biên bản làm việc ngày 20/5/2023 ông M cho rằng lãi suất thỏa thuận 3%/tháng. Thời gian vay tiền từ tháng 5/2021 đến tháng 12/2021 vợ chồng ông có thanh toán lãi cho bà M mỗi tháng 45.000.000 đồng nhưng ông MM không nhớ thời gian và số tiền lãi đã đóng bao nhiêu. Tại phiên tòa bà M thừa nhận lãi suất thỏa thuận 3%/tháng và bà M có nhận được tổng số tiền lãi của vợ chồng ông MM, bà P là 155.000.000 đồng nên thống nhất đối trừ. Xét thấy lãi suất thỏa thuận 3%/tháng là vượt so với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp, cụ thể như sau: 1.500.000.000 đồng (tiền vay vốn) x 03 năm 10 tháng (từ ngày 09/4/2021 đến ngày 09/02/2025) x 20%/năm - 155.000.000 đồng (tiền lãi đã nhận) = 995.000.000 đồng.

Từ những căn cứ nêu trên buộc ông MM, bà P có nghĩa vụ hoàn trả cho bà M tổng số tiền vốn và lãi là 2.495.000.000 đồng là phù hợp.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà M và vợ chồng ông MM, bà P đã được giải quyết xong tại Bản án số 302/2024/DS-PT ngày 07/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau nên không xét tại vụ án.

[5] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông MM, bà P phải chịu án phí – Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Nguyễn Văn MM và bà Nguyễn Thị Kiều P có nghĩa thanh toán cho bà Quách Thị Út M tổng số tiền 2.495.000.000 đ (Hai tỷ bốn trăm chín mươi lăm triệu đồng) theo biên nhận ngày 09/4/2021.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bà Quách Thị Út M (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Nguyễn Văn MM và bà Nguyễn Thị Kiều P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn MM và bà Nguyễn Thị Kiều P phải nộp 81.900.000 đ *(Tám mươi một triệu chín trăm nghìn đồng).*

Bà Quách Thị Út M không phải chịu án phí. Vào ngày 23/10/2024 bà M có dự nộp số tiền 28.500.000.000 đ Hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0016550 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình nay được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Quốc Văn – Trần Văn Thắng **Nguyễn Kiều Trang**